CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 445 ; Tờ bản đồ số: 154 Diện tích: 5344.3 m²

Loại đất: LUC Hình thức sử dụng:

2. Địa chỉ thửa đất: ấp Xuân Hòa 2, xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai

3. Tên người sử dụng đất, người quản lý đất:

4. Địa chỉ người sử dụng đất, người quản lý đất:

5. Giấy chứng nhận hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (giấy tờ):

- Loại giấy tờ hiện có: .....
- Diện tích trên giấy tờ: .....

6. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:

- Ranh giới thửa đất được xác định theo BĐĐC xã Xuân Hòa số 1020/2025 được Công ty TNHH TVTK Đo đạc Đại Thành lập tháng 12/2025, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp ngày 18/12/2025
- Diện tích thuộc ranh giới dự án Các hạng mục bổ sung dự án thành phần ĐTXD đoạn Phan Thiết - Dầu Giây là 558.2 m2.
- Diện tích nằm ngoài ranh giới là 4786.1 m2
- Bản vẽ này chỉ phục vụ công tác thu hồi đất ngoài ra không sử dụng vào mục đích khác

7. Đo đạc theo dự án (công trình): Các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.

8. Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đo đạc Đại Thành

9. Sơ đồ thửa đất:

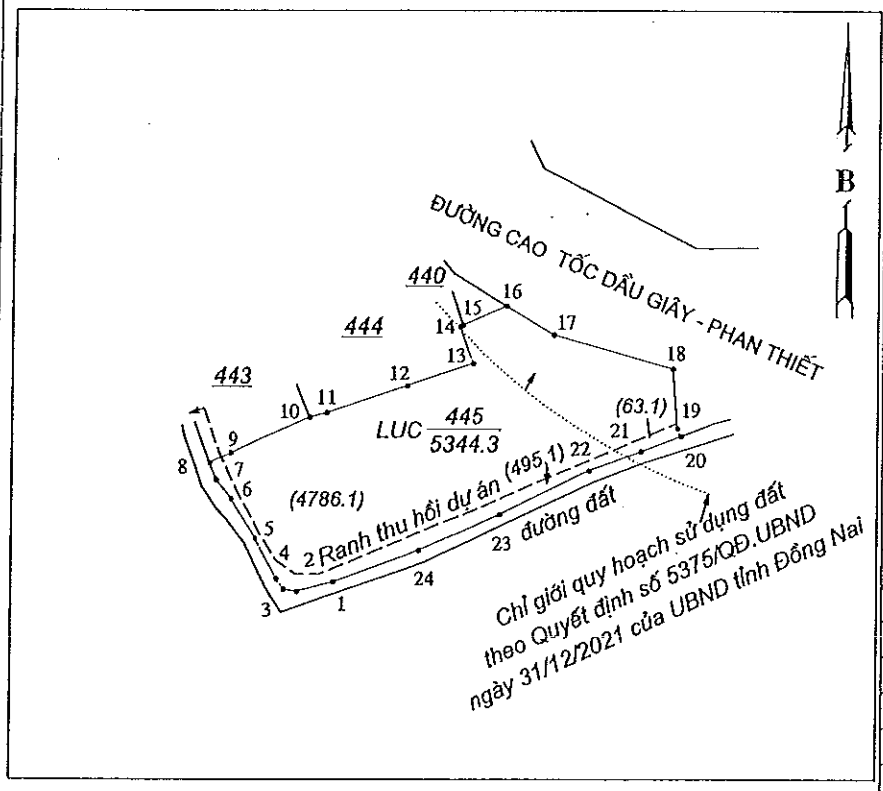

10. Tọa độ đỉnh thửa, kích thước cạnh:

Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước
Đỉnh	X (m)	Y (m)	Cạnh (m)
1	1204935.71	463612.24	10.60
2	1204933.07	463601.97	3.80
3	1204933.64	463598.22	3.58
4	1204936.58	463596.18	12.78
5	1204947.83	463590.12	13.37
6	1204958.92	463582.64	6.67
7	1204964.17	463578.54	5.12
8	1204968.95	463576.70	6.46
9	1204971.68	463582.55	24.88
10	1204981.69	463605.33	5.03
11	1204982.89	463610.20	23.56
12	1204990.48	463632.51	19.87
13	1204996.76	463651.36	10.98
14	1205007.04	463647.51	0.98
15	1205007.45	463648.40	13.78
16	1205012.76	463661.11	15.79
17	1205004.79	463674.75	35.50
18	1204995.35	463708.97	16.78
19	1204978.63	463710.36	2.52
20	1204976.29	463711.30	12.18
21	1204972.02	463699.89	15.80
22	1204966.73	463685.00	28.19
23	1204954.56	463659.57	25.35
24	1204944.48	463636.31	25.62
1	1204935.71	463612.24	

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2025

Đơn vị đo đạc

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3603685983 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐO ĐẠC ĐẠI THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

Hoàng Luật